



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM**  
Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh  
Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines) Fax: (84.8) 3930 4281  
Email: aisc@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn



Số: 1209647 /AISC-DNIHN

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009**  
**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NAM VIỆT VÀ CÔNG TY CON**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị**  
**Ban Tổng Giám đốc**  
**Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Nam Việt**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Nam Việt và công ty con, dưới đây gọi là Ngân hàng, gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được lập ngày 30 tháng 1 năm 2010 từ trang 06 đến trang 32 kèm theo.

Việc soạn thảo các báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng. Trách nhiệm của kiểm toán viên là căn cứ vào việc kiểm toán, để hình thành một ý kiến độc lập về các báo cáo tài chính này.

**Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và những chuẩn mực kiểm toán quốc tế được Nhà nước Việt Nam thừa nhận. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Trên căn bản áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu, cuộc kiểm toán bao gồm việc xem xét các chứng cứ liên quan đến số liệu và công bố trên báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá về những ước lượng và những xét đoán quan trọng đã được thể hiện bởi Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cũng như việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính.

Chúng tôi đã lập kế hoạch và hoàn thành cuộc kiểm toán để đạt được tất cả các thông tin và các giải trình cần thiết. Chúng tôi tin rằng việc kiểm toán đã cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng cho niên độ kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Kiểm toán viên

**Phạm Thị Hồng Uyên**  
Chứng chỉ KTV số: 0794/KTV  
Do Bộ Tài Chính Việt Nam cấp.

Tp. HCM, ngày 31 tháng 3 năm 2010

Tổng Giám đốc



**Phạm Văn Vinh**  
Hộ chiếu số: Đ0112/KTV  
Do Bộ Tài Chính Việt Nam cấp.

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NAM VIỆT VÀ CÔNG TY CON**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

<b>A. Tài sản</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
<b>I. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý</b>	<b>V.1</b>	<b>269.588.963.886</b>	<b>137.582.673.623</b>
<b>II. Tiền gửi tại ngân hàng Nhà nước</b>	<b>V.2</b>	<b>303.685.414.613</b>	<b>294.329.981.152</b>
<b>III. Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác</b>	<b>V.3</b>	<b>5.227.295.698.422</b>	<b>4.200.085.434.899</b>
1. Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác		5.227.295.698.422	4.200.085.434.899
<b>IV. Chứng khoán kinh doanh</b>		-	-
<b>V. Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác</b>		<b>2.489.350.134</b>	-
<b>VI. Cho vay khách hàng</b>		<b>9.864.203.180.567</b>	<b>5.452.616.707.817</b>
1. Cho vay khách hàng	<b>V.4</b>	9.959.607.401.636	5.474.558.739.175
2. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	<b>V.5</b>	(95.404.221.069)	(21.942.031.358)
<b>VII. Chứng khoán đầu tư</b>	<b>V.6</b>	<b>2.148.859.928.797</b>	<b>41.311.068.316</b>
1. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		48.859.928.797	21.456.000.000
2. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		2.100.000.000.000	19.855.068.316
3. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		-	-
<b>VIII. Góp vốn, đầu tư dài hạn</b>	<b>V.7</b>	<b>325.915.000.000</b>	<b>326.282.000.000</b>
1. Đầu tư vào Công ty liên kết		-	-
2. Đầu tư dài hạn khác		325.915.000.000	326.282.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-	-
<b>IX. Tài sản cố định</b>		<b>107.637.259.256</b>	<b>108.682.427.858</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	<b>V.8</b>	67.879.714.990	69.736.057.497
- Nguyên giá TSCĐ		94.225.406.212	87.773.307.934
- Hao mòn TSCĐ		(26.345.691.222)	(18.037.250.437)
2. Tài sản cố định vô hình	<b>V.9</b>	39.757.544.266	38.946.370.361
- Nguyên giá TSCĐ		43.449.836.552	41.911.861.251
- Hao mòn TSCĐ		(3.692.292.286)	(2.965.490.890)
<b>X. Bất động sản đầu tư</b>		-	-
<b>XI. Tài sản Có khác</b>	<b>V.10</b>	<b>440.277.962.080</b>	<b>344.388.291.960</b>
1. Các khoản phải thu		192.378.263.870	212.049.479.945
2. Các khoản lãi, phí phải thu		204.075.060.285	85.152.276.504
3. Tài sản thuế TNDN hoãn lại		-	-
4. Tài sản Có khác		43.824.637.925	47.186.535.511
<b>Tổng cộng tài sản Có</b>		<b>18.689.952.757.755</b>	<b>10.905.278.585.625</b>

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 32 là phần không thể tách rời của báo cáo này.

Trang 6

1300  
CỔ  
HỌC  
TR

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NAM VIỆT VÀ CÔNG TY CON  
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

B. Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
I. Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	V.11	500.000.000.000	-
II. Tiền gửi và vay các TCTD khác	V.12	5.325.892.497.174	3.402.210.419.094
1. Tiền gửi của TCTD khác		5.185.312.237.556	3.402.210.419.094
2. Vay các TCTD khác		140.580.259.618	-
III. Tiền gửi của khách hàng	V.13	9.629.727.488.024	6.021.861.477.895
IV. Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		-	-
V. Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro		-	-
VI. Phát hành giấy tờ có giá	V.14	1.790.597.355.866	150.239.425.750
VII. Các khoản nợ khác	V.15	277.696.884.196	254.809.603.388
1. Các khoản lãi, phí phải trả		219.583.712.009	157.758.455.129
2. Thuế TNDN hoãn lại phải trả		-	-
3. Các khoản phải trả và công nợ khác		58.113.172.187	97.051.148.259
4. Dự phòng rủi ro khác (Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng)		-	-
VIII. Vốn và các quỹ	V.16	1.166.038.532.495	1.076.157.659.498
1. Vốn của TCTD		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
- Vốn điều lệ		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
2. Quỹ của TCTD		23.368.320.271	18.650.521.507
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
3. Lợi nhuận chưa phân phối/ Lỗ lũy kế		142.670.212.224	57.507.137.991
- Lợi nhuận / lỗ năm nay		142.415.792.370	57.507.137.991
- Lợi nhuận / lỗ lũy kế năm trước		254.419.854	-
<b>Tổng Nợ phải trả và Vốn Chủ sở hữu</b>		<b>18.689.952.757.755</b>	<b>10.905.278.585.625</b>

513

VG  
HỆM  
V VÀ  
THÂN  
HÍ MI  
HỒ

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NAM VIỆT VÀ CÔNG TY CON  
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Ghi chú	31/12/2009	01/01/2009
I. Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn		335.225.854.477	187.689.228.451
1. Bảo lãnh vay vốn		39.000.000.000	159.000.000.000
2. Cam kết trong nghiệp vụ L/C		161.931.993.470	-
3. Bảo lãnh khác		134.293.861.007	28.689.228.451

Ngày 30 tháng 1 năm 2010

Kế toán trưởng

Huỳnh Vĩnh Phát

Tổng Giám đốc



Lê Quang Trí

241-C  
TY  
QUẢN  
DỊCH V  
H PHỐ  
NH  
CHỈ T

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NAM VIỆT VÀ CÔNG TY CON  
 BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
 Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	VI.17	1.251.186.976.707	1.024.772.287.227
2. Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	VI.18	964.232.841.834	812.393.721.898
<b>I. Thu nhập lãi thuần</b>		<b>286.954.134.873</b>	<b>212.378.565.329</b>
3. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	VI.19	110.838.700.885	10.856.332.084
4. Chi phí hoạt động dịch vụ	VI.19	11.623.834.734	8.927.480.189
<b>II. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ</b>		<b>99.214.866.151</b>	<b>1.928.851.895</b>
<b>III. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>	VI.20	<b>5.583.534.247</b>	<b>(4.115.032.930)</b>
<b>IV. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh</b>		-	-
<b>V. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư</b>		-	<b>(1.560.694.948)</b>
5. Thu nhập từ hoạt động khác		8.873.462.815	1.321.271.905
6. Chi phí hoạt động dịch khác		565.623.827	61.993.195
<b>VI. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác</b>	VI.22	<b>8.307.838.988</b>	<b>1.259.278.710</b>
<b>VII. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần</b>	VI.21	<b>72.405.246.460</b>	<b>60.857.335.968</b>
<b>VIII. Chi phí hoạt động</b>	VI.23	<b>201.092.611.009</b>	<b>180.191.199.362</b>
<b>IX. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>		<b>271.373.009.710</b>	<b>90.557.104.662</b>
<b>X. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>		<b>81.555.325.735</b>	<b>16.517.408.976</b>
<b>XI. Tổng lợi nhuận trước thuế</b>		<b>189.817.683.975</b>	<b>74.039.695.686</b>
7. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.24	47.401.891.605	16.894.957.148
8. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
<b>XII. Chi phí thuế TNDN</b>		<b>47.401.891.605</b>	<b>16.894.957.148</b>
<b>XIII. Lợi nhuận sau thuế</b>		<b>142.415.792.370</b>	<b>57.144.738.538</b>
<b>XIV. Lợi ích của cổ đông thiểu số</b>		-	-
<b>XV. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		<b>1.424</b>	<b>596</b>

Kế toán trưởng

Huỳnh Vĩnh Phát

Ngày 30 tháng 1 năm 2010

Tổng Giám đốc



Lê Quang Trí